

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS - ST

Ngày: 19/4/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Hoài Tâm

2. Ông Đỗ Trọng Tuấn

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2021/QĐST-DS ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Trung Tr**, sinh năm 1966

Địa chỉ: 378/15 đường F4, KDC B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé Th**, sinh năm 1979

Địa chỉ: 82 L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – nguyên đơn trình bày

Do quan hệ quen biết nên từ tháng 2/2018 đến tháng 11/2018 ông có cho bà Nguyễn Thị Bé Th vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 05/02/2018: 150.000.000 đồng

Ngày 03/7/2018: 50.000.000 đồng

Ngày 24/7/2018: 200.000.000 đồng

Ngày 15/11/2018: 200.000.000 đồng

Tổng cộng: 600.000.000 đồng.

Các lần vay trên bà Th đều có ký biên nhận vay. Ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà Th trả tiền nhưng bà Th chỉ hứa hẹn mà không trả. Do vậy ông có đơn khởi

kiện yêu cầu bà Th phải trả cho ông số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi, với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 15/11/2018 đến nay.

Phía bị đơn – bà Th trình bày tại bản tự khai và buổi hòa giải:

Bà và ông Tr có mối quan hệ là làm ăn chung với nhau về việc cho vay đáo hạn ngân hàng đã nhiều năm nay. Trong quá trình làm ăn có vay mượn qua lại nhiều lần. Đối với các biên nhận mà ông Tr đưa ra bà xác định có ký nhưng đã trả xong nhưng do tin tưởng nên không lấy lại biên nhận gốc. Do vậy nay bà không đồng ý tiếp tục trả cho ông Tr số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi số tiền 600.000.000 đồng, tuy nhiên đồng ý căn trừ 30.000.000 đồng do bà Th có trả dư cho ông ở hai biên nhận vay ngày 03/8/2018 và 15/8/2018 – là 02 biên nhận không nằm trong số biên nhận ông đang khởi kiện đòi (hai biên nhận này ghi số tiền vay là 70.000.000 đồng nhưng bà Th đã trả cho ông 100.000.000 đồng vào tháng 11/2019). Ông đồng ý không yêu cầu tính lãi trên số tiền này, khi bản án có hiệu lực, nếu bà Th chậm thanh toán thì yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn: Vẫn giữ nguyên trình bày về việc đã trả xong cho ông Tr số tiền nêu trên, nên nay không đồng ý tiếp tục trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này do Bộ luật dân sự điều chỉnh. Phía bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía nguyên đơn có nộp 04 biên nhận gốc (như đã liệt kê ở trên), các biên nhận này có chữ ký của bà Th và phía bà Th cũng thừa nhận chữ ký của bà trong các biên nhận này. Các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn đã đủ để tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Việc nguyên đơn đồng ý căn trừ cho bà Th 30.000.000 đồng đã nhận dư của biên nhận khác, nay chỉ đòi số tiền 570.000.000 đồng, là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với ý kiến của bà Th về việc không đồng ý trả số nợ nêu trên vì cho rằng đã trả rồi nhưng vì tin tưởng nên không lấy lại biên nhận. Xét thấy, ngoài lời trình bày, bà Th không có chứng cứ nào chứng minh đã trả cho nguyên đơn số tiền nêu trên nên không có căn cứ để xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Bé Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Trung Tr số tiền nợ là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu: 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

- Nguyên đơn được nhận lại: 16.760.000, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004872 ngày 13/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Cần Thơ
Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND quận B;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA Q B
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ